

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ TIỀN GIANG

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 – 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Ô Tô Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Việt Thuận	Chủ tịch
Ông Lê Tấn Nắm	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Viêt Hợi	Thành viên
Ông Mai Văn Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Hồng Lệ Vân	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Thanh Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Thạch	Thành viên

Ban Giám Đốc

Ông Lê Tấn Nắm	Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thuận	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Viêt Hợi	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Lê Tấn Nấm
Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Ô Tô Tiền Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Ô Tô Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015, từ trang 5 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

1. Như đã nêu tại Doanh thu - Thuyết minh báo cáo tài chính, do đặc điểm ngành nghề kinh doanh nên doanh thu và chi phí một số hoạt động kinh doanh như vận tải hành khách, vận tải hàng hóa và kinh doanh xăng dầu không ghi nhận theo chuẩn mực quy định. Công ty ghi nhận căn cứ theo định mức khoán doanh thu và chi phí trong từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đối tượng nhận khoán. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập đủ các bằng chứng để đưa ra ý kiến về tính hợp lý cũng như xác định các ảnh hưởng của cách ghi nhận trên đối với báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán viên (tiếp theo)

- Đến thời điểm kiểm toán chúng tôi vẫn chưa nhận được xác nhận đối với các khoản nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2015 số dư là 5.954.274.663 VND, trong đó số dư chưa xác nhận là 1.636.018.282 VND chiếm tỷ lệ là 27,48%.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Nguyễn Nhân Bào

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0413-2013-088-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Ngày 19 tháng 03 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Lam Giang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1750-2013-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

31/12/2014**(Phân loại lại)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.472.439.726	10.930.788.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.479.795.862	5.990.948.423
1. Tiền	111		1.993.071.807	1.567.325.255
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.486.724.055	4.423.623.168
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.831.237.897	4.486.724.634
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.954.274.663	5.959.744.221
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			1.140.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	873.611.827	1.141.426.407
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.996.648.593)	(3.754.445.994)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
- 1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.405.967	453.115.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	125.617.848	243.124.078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	35.788.119	209.991.576
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

31/12/2014

(Phân loại lại)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.837.108.984	10.412.534.452
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.526.970.233	9.289.242.441
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	9.526.970.233	9.289.242.441
- Nguyên giá	222		22.771.186.345	24.153.271.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.244.216.112)	(14.864.029.008)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.089.990.000	1.089.990.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	1.089.990.000	1.089.990.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		220.148.751	33.302.011
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	220.148.751	33.302.011
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.309.548.710	21.343.323.163

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

31/12/2014

(Phân loại lại)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.856.536.985	3.747.706.406
I. Nợ ngắn hạn	310		814.536.985	730.706.406
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	10.931.625	56.852.622
4. Phải trả người lao động	314		105.268.500	120.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		30.000.000	30.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	489.022.624	499.808.762
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	179.314.236	24.045.022
			-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.042.000.000	3.017.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	339	15	3.042.000.000	3.017.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.453.011.725	17.595.616.757
I. Vốn chủ sở hữu	410		17.453.011.725	17.595.616.757
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	15.580.500.000	15.580.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.580.500.000	15.580.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		739.723.289	598.012.903
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) năm nay	421b		1.132.788.436	1.417.103.854
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440 = 300+ 400)	440		21.309.548.710	21.343.323.163

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởngLê Tấn Nẫm
Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	17.287.331.817	17.742.069.503
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		17.287.331.817	17.742.069.503
4. Giá vốn hàng bán	11		13.168.446.097	13.535.534.674
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.118.885.720	4.206.534.829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	331.758.182	337.440.911
7. Chi phí tài chính	22		-	54.572.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	20	722.266.529	589.218.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	2.871.035.672	3.266.425.771
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		857.341.701	633.759.333
11. Thu nhập khác	31	21	573.966.833	1.200.688.762
12. Chi phí khác	32		-	11.884.473
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		573.966.833	1.188.804.289
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.431.308.534	1.822.563.622
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	298.520.098	405.459.768
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.132.788.436	1.417.103.854
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	591	892
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởngLê Tấn Năm
Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (Phân loại lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		1.431.308.534	1.822.563.622
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.162.272.208	1.104.790.074
Các khoản dự phòng	03		242.202.599	596.415.033
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(494.999.000)	(1.104.626.769)
Chi phí lãi vay	06			54.572.000
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.340.784.341	2.473.713.960
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.615.641.395	(1.126.964.663)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11		19.902.106	(256.771.011)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(69.340.510)	66.392.426
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(54.572.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(364.860.839)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(57.296.364)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		3.484.830.129	1.101.798.712
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21		(1.400.000.000)	(326.400.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		395.000.000	1.044.636.369
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		99.999.000	59.990.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(905.001.000)	778.226.769

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (Phân loại lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(675.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.090.981.690)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.090.981.690)	(675.000.000)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		1.488.847.439	1.205.025.481
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.990.948.423	4.785.922.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.479.795.862	5.990.948.423

Người lập biểu	Nguyễn Thị Ngọc Thủy Kế toán trưởng	Lê Tấn Nẫm Giám đốc
Ngày 31 tháng 12 năm 2015		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vận Tải Ô Tô Tiền Giang là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quyết định số 3862/QĐ.UB ngày 01/12/2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000004 ngày 19/01/2001 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/11/2012, số 1200441638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.580.500.000 đồng.

Trụ sở của Công ty và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 12-14-16 đường Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và số 152 đường Lý Thường Kiệt, phường 6, TP Mỹ Tho, Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 87 người (31 tháng 12 năm 2014: 82 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Dịch vụ

Hoạt động chính của Công ty là vận chuyển hàng hóa và vận chuyển hành khách bằng ô tô.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06-25
Máy móc và thiết bị	05-06
Thiết bị văn phòng	04-08
Phương tiện vận tải	10-15
Phần mềm kế toán	04-10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước công cụ dụng cụ, và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ và hàng hóa được ghi nhận theo hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty về việc giao khoán doanh thu và chi phí trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu và chi phí khoán được ghi nhận trong kỳ như sau:

- Doanh thu phát sinh trong kỳ được ghi nhận theo mức doanh thu khoán định kỳ thể hiện trên hợp đồng giao khoán.
- Chi phí tương ứng với doanh thu bao gồm chi phí khoán cho người nhận khoán và chi phí thực tế phát sinh tương ứng với các khoản mục chi phí khoán do Công ty chịu thể hiện trên hợp đồng giao khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế giá trị gia tăng được áp dụng theo phương pháp khấu trừ. Riêng đối với khoản doanh thu vượt khoán được xác định theo phương pháp trực tiếp.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng (xe buýt) và đào tạo lái xe mô tô là các đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ được xác định theo tỷ lệ doanh thu hoạt động kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế.

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo kết quả kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Các khoản sai biệt giữa số liệu thuế theo số dự kiến phải nộp và số xác định lại của cơ quan thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh sau khi có kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	259.639.046	407.921.687
Tiền gửi ngân hàng	1.733.432.761	1.159.403.568
Các khoản tương đương tiền	5.486.724.055 (*)	4.423.623.168
Cộng	7.479.795.862	5.990.948.423

(*) Khoản tiền gửi kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lĩnh vực vận tải (Hợp đồng khoán)	4.958.434.186	5.016.867.325
Lĩnh vực dịch vụ khác	181.035.377	106.481.044
Thanh lý xe cũ	64.666.100	69.018.300
Dịch vụ cho thuê tài sản (nhà và nhà xưởng)	419.120.000	394.500.000
Dịch vụ xe buýt	231.020.000	312.885.900
Cổ tức của Công ty Cổ Phần Mỹ Tho	99.999.000	59.990.400
Cộng	5.954.274.663	5.959.744.221

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Đoàn Ngọc Lan		
Nguyễn Văn Vũ	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Văn Còn	84.000.000	84.000.000
Vũ Thành Loan	39.000.000	-
Trần Văn Tâm	20.000.000	70.350.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp của xưởng	99.598.426	99.598.426
Thuế giá trị gia tăng của xưởng	27.325.885	27.325.885
Bảo hiểm phải thu lại của nhân viên	169.550.421	235.388.950
Phải thu từ các nhân viên công ty đã nghỉ việc	104.156.100	118.546.000
Tạm ứng cho nhân viên quản lý xe để chi cho hoạt động trung, đại tu xe theo hợp đồng khoán vận tải (sửa chữa lớn tài sản cố định)	299.980.995	476.217.146
Cộng	873.611.827	1.141.426.407

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Chênh lệch	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Chênh lệch
Phải thu khách hàng	5.954.274.663	2.188.706.481	3.765.568.182	5.959.744.221	2.436.378.638	3.523.365.583
Phải thu khác	873.611.827	642.531.416	231.080.411	1.141.426.407	910.345.996	231.080.411
Cộng	6.827.886.490	2.831.237.897	3.996.648.593	7.101.170.628	3.346.724.634	3.754.445.994

Chi tiết trích lập dự phòng:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của công nhân quản lý xe nhận khoán doanh thu theo chính sách hoạt động kinh doanh của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ TIỀN GIANG

12-14-16 đường Ấp Bắc, phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	125.617.848	243.124.078
Bảo hiểm thân xe	125.617.848	243.124.078
b. Chi phí trả trước dài hạn	220.148.751	33.302.011
Công cụ dụng cụ dài hạn chờ phân bổ	220.148.751	33.302.011
Cộng	345.766.599	276.426.089

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã thực	31/12/2015
	VND	trong năm	nộp trong năm	VND
a. Thuế và các khoản phải thu nhà nước				
Thuế môn bài	26.300.000	5.000.000	5.000.000	26.300.000
Thuế TNDN nộp thừa	-	365.456.065	374.944.184	9.488.119
Cộng	26.300.000	379.944.184	370.456.065	35.488.119
b. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp (*)		804.443.576	793.511.951	10.931.625
Cộng		804.443.576	793.511.951	10.931.625

(*) Đến thời điểm kiểm toán, công ty có sự chênh lệch thuế GTGT như sau:

	Số dư tại ngày 31/12/2015
Thuế GTGT tờ khai	298.532.663
Thuế GTGT theo sổ sách	10.931.625
Chênh lệch	287.601.038

Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể giải thích được nguyên nhân chênh lệch giữa số thuế phải nộp giữa sổ sách và tờ khai. Các khoản sai biệt giữa số liệu thuế theo sổ dự kiến phải nộp và số xác định lại của cơ quan thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh sau khi có kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần thương mại Mỹ Tho	60.000.000	60.000.000
Hợp tác kinh doanh với Ông Nguyễn Văn Quan	30.000.000	30.000.000
Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần thương mại Mỹ Tho	999.990.000	999.990.000
Cộng	1.089.990.000	1.089.990.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ TIỀN GIANG

12-14-16 đường Ấp Bắc, phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

TSCĐ hữu hình	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
01/01/2015	1.552.027.505	40.339.200	42.460.606	25.518.444.138	24.153.271.449
Tăng trong năm	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	2.782.085.104	2.782.085.104
31/12/2015	1.552.027.505	40.339.200	42.460.606	21.136.359.034	22.771.186.345
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2015	1.220.725.317	40.339.200	41.752.929	13.561.211.562	14.864.029.008
Tăng trong năm	--	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	43.729.500	-	707.677	1.117.835.031	1.162.272.208
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	2.782.085.104	2.782.085.104
31/12/2015	1.264.454.817	40.339.200	42.460.606	11.896.961.490	13.244.216.112
Giá trị còn lại					
01/01/2015	331.302.188	-	707.677	8.957.232.576	9.289.242.441
31/12/2015	287.572.688	-	-	9.239.397.544	9.526.970.233

Từ ngày 01/01/2011, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình, nhóm phương tiện vận tải, từ 10 năm lên 15 năm, Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Trong đó, nguyên giá một số tài sản cố định là phương tiện vận tải, tạm thời không sử dụng và đã trích khấu hao hết là 492.252.358 VND .

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 8.683.051.681VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8.537.772.383VND).

13. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Sở Giao thông Công chánh tỉnh Tiền Giang	176.728.685	208.491.994
Cổ tức còn phải trả cổ đông	43.851.050	72.004.850
Thuế GTGT và TNDN thu hộ cơ quan thuế	104.307.490	95.214.519
Phải trả chủ sở hữu	14.305.654	14.305.654
Cước vận chuyển thu hộ các quản lý xe	149.829.745	109.791.745
Cộng	489.022.624	499.808.762

14. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
01/01/2015	24.045.022	65.908.088
Trích lập trong năm	212.565.578	27.693.935
Sử dụng trong năm	(57.296.364)	(69.557.001)
31/12/2015	179.314.236	24.045.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược của tài xế xe buýt	2.975.000.000	2.975.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược hợp đồng thuê nhà	67.000.000	42.000.000
Cộng	3.042.000.000	3.017.000.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	15.580.500.000	571.391.903	266.209.735	16.418.101.638
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.417.103.854	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2013	-	26.621.000	(54.314.935)	(27.693.935)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	(211.894.800)	(211.894.800)
Số dư cuối năm trước	15.580.500.000	598.012.903	1.417.103.854	17.595.616.757
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.132.788.436	1.132.788.436
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2014	-	141.710.386	(354.275.964)	(212.565.578)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	(1.062.827.890)	(1.062.827.890)
Số dư cuối năm nay	15.580.500.000	739.723.289	1.132.788.436	17.453.011.725

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 15.580.500.000 VND. Tại ngày 31/12/2015, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31/12/2015	
	VND	%	VND	%
Vốn Nhà nước (SCIC)	6.069.600.000	38,96	6.069.600.000	38,96
Vốn thuộc nhân viên Công ty	9.510.900.000	61,04	9.510.900.000	61,04
Tổng cộng	15.580.500.000	100,00	15.580.500.000	100,00

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là cung cấp dịch vụ giao thông vận tải. Doanh thu được trình bày ở Thuyết minh số 18 Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, công ty có hoạt động dịch vụ vận tải, khu vực kinh doanh chính là ở Tỉnh Tiền Giang.

Theo đó, Ban giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.287.331.817	17.742.069.503
Chủ yếu là:		
- Doanh thu vận tải hàng hóa	1.760.563.335	1.785.817.945
- Doanh thu vận tải hành khách	4.496.450.062	5.553.649.113
- Doanh thu vận tải hành khách công cộng	8.261.323.440	8.339.694.440
- Doanh thu đào tạo dạy lái xe mô tô	1.080.720.000	902.110.909
- Doanh thu khác	1.688.274.980	1.160.797.096
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	17.287.331.817	17.742.069.503

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	226.220.750	234.668.653
Cổ tức được chia từ các khoản đầu tư	99.999.000	59.990.400
Lãi góp vốn đầu tư	5.538.432	42.781.858
Cộng	331.758.182	337.440.911

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng	722.266.529	589.218.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài (cước vận chuyển)	722.266.529	589.218.636
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.871.035.672	3.266.425.771
Chi phí nhân viên quản lý	1.410.991.170	1.468.021.781
Thuê, phí và lệ phí	5.000.000	596.415.033
Chi phí dự phòng	659.644.044	175.945.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	179.617.072
Chi phí bằng tiền khác	795.400.458	846.426.143
Cộng	3.593.302.201	3.867.528.880

21. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	395.000.000	1.044.636.369
Hoa hồng được hưởng	20.849.206	47.806.212
Thu nhập khác	158.117.627	108.246.181
Cộng	573.966.833	1.200.688.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	1.431.308.534	1.822.563.622
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(99.999.000)	(59.990.400)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	25.600.000	80.425.723
Chuyển lỗ		
Thu nhập chịu thuế	1.356.909.534	1.842.998.945
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	298.520.098	405.459.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	298.520.098	405.459.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp	298.520.098	405.459.768

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối	1.132.788.436	1.417.103.854
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	212.565.578	27.693.935
Số cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân	1.558.050	1.558.050
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	591	892

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
		VND	VND	VND
Trích bảng cân đối kế toán				
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	10.930.788.711	-	10.930.788.711
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.102.489.735	384.234.899	4.486.724.634
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	757.191.508	384.234.899	1.141.426.407
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	837.350.553	(384.234.899)	453.115.654
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	384.234.899	(384.234.899)	-
B. TÀI SẢN TÀI HẠN	200	10.412.534.452	-	10.412.534.452
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	1.089.990.000	1.089.990.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn (*)	250	1.089.990.000	(1.089.990.000)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.343.323.163	-	21.343.323.163

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ TIỀN GIANG

12-14-16 đường Ấp Bắc, phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(*) khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, và không được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
		VND	VND	VND
Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	910	(18)	892

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 21 tháng 01 năm 2016, công ty đã chuyển nhượng 606.960 cổ phần thuộc sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) sang cho công ty Cổ phần thương mại Mỹ Tho theo thông báo số 159/ĐTKDV – CNPN.

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởng

Lê Tấn Năm
Giám đốc